TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3654/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị DTVA, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 6, xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bị đơn: Anh SJ, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 623 C, Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai của nguyên đơn là chị DTVA trình bày:

Chị DTVA và anh SJ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc kết hôn đã được đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc và anh chị đã đến Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng xin ghi chú kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng cấp giấy xác nhận ghi chú kết hôn vào ngày 28 tháng 6 năm 2017. Sau khi kết hôn, chị sang Hàn Quốc đoàn tụ cùng chồng nhưng quá trình chung sống hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự chênh lệch tuổi tác quá lớn cùng với bất đồng về ngôn ngữ và phong tục tập quán dẫn

đến anh chị ngày càng xa nhau. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh SJ.

Về con chung và tài sản chung: Chị và anh SJ không có con chung và tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quết.

- Bị đơn là anh SJ thống nhất với lời trình bày của chị DTVA về việc kết hôn, quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống. Tháng 8 năm 2018, chị DTVA đã về Việt Nam và không quay trở lại Hàn Quốc. Vì vậy, anh xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị DTVA được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Anh SJ xác nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh SJ đang ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị DTVA vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị DTVA vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh SJ. Bị đơn anh SJ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời anh ủy quyền cho chị DTVA nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Đơn của anh SJ được xác nhận bởi Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị DTVA có đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn với anh SJ. Chị DTVA có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 6, xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng, anh SJ cư trú tại Hàn Quốc. Anh chị đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị DTVA là nguyên đơn, anh SJ là bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị DTVA và anh SJ.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị DTVA và anh SJ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền ở Hàn Quốc và ghi chú kết hôn tại UBND huyện B, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 6 năm 2017. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị DTVA và anh SJ thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán và sự chênh lệch tuổi tác quá lớn, đến nay chị DTVA đã về Việt Nam, vợ chồng không còn có sự quan tâm đến nhau. Như vậy, xét mẫu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị DTVA và anh SJ đề nghị ly hôn là hoàn toàn chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị DTVA và anh SJ.

[5] Về con chung và tài sản chung: Anh chị thống nhất khai không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị DTVA là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị DTVA và anh SJ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị DTVA

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị DTVA được ly hôn anh SJ.

2. Về con chung: Chị DTVA và anh SJ khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị DTVA và anh SJ khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị DTVA phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001996 ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Như vậy, chị DTVA đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị DTVA được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh SJ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- UBND huyện B, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thanh Vân